**Trường:**  Họ và tên giáo viên:

**Tổ:**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY (KHBD) 15 BÀI PHẦN ĐỊA LÍ VÀ**

**2 CHỦ ĐỀ CHUNG MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 8 - BỘ CTST**

**CHƯƠNG 1. ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ, PHẠM VI LÃNH THỔ,**

**ĐỊA HÌNH VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**BÀI 1. ĐẶC ĐIỂM VỊ TRÍ ĐỊA LÍ VÀ PHẠM VI LÃNH THỔ**

Phần: Địa lí, Lớp: 8, Thời lượng: dạy 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí.

- Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam (VN).

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

+ Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí.

+ Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên VN.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang (tr) 96-99.

+ Quan sát các bản đồ: hình 1.1 SGK tr96, hình 1.2 SGK tr98 để xác định vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ của nước ta.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn:

+ Giải thích vì sao thiên nhiên nước ta có nhiều đặc điểm khác với một số nước cùng vĩ độ.

+ Sưu tầm thông tin về một số cột mốc biên giới quốc gia của nước ta.

**3. Về phẩm chất:** Ý thức học tập nghiêm túc, có tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ liêng liêng của Tổ quốc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

- KHBD, SGK, sách giáo viên (SGV), Atlat Địa lí Việt Nam (ĐLVN).

- Hình 1.1. Bản đồ VN và các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á, hình 1.2. Bản đồ hành chính VN, hình 1.3. Khai thác năng lượng mặt trời và năng lượng gió ở Ninh Thuận, Hình 1.4. Bãi biển Mỹ Khê (Đà Nẵng) hoặc các hình tương tự phóng to.

- Phiếu học tập, bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

**2. Học sinh (HS):**SGK, vở ghi, Atlat ĐLVN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)**

***a. Mục tiêu:***  Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

***b.Nội dung:***GV tổ chức trò chơi “Xem quốc kì đoán tên quốc gia” cho HS.

***c. Sản phẩm*:** HS giải được trò chơi “Xem quốc kì đoán tên quốc gia” GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

\* GV treo bảng phụ trò chơi “Xem quốc kì đoán tên quốc gia” lên bảng:

** 1 2 3**

**4 5 6** 

\* GV lần lượt cho HS quan sát các quốc kì trên theo thứ tự từ 1 đến 6, yêu cầu HS cho biết tên quốc gia tương ứng với mỗi quốc kì trên. GV khen thưởng cho HS trả lời đúng.

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ**:

\* HS quan sát các quốc kì và sự hiểu biết của bản thân, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận**:

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

**1. Việt Nam**

**2. Trung Quốc**

**3. Lào**

**4. Cam-pu-chia**

**5. Ấn Độ**

**6. Thổ Nhĩ Kì**

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **GV dẫn dắt vào nội dung bài mới**: Việt Nam, quốc hiệu là Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quốc kì là lá Cờ đỏ sao vàng – biểu tượng thiêng liêng đặc biệt của dân tộc Việt Nam. Vậy đất nước của chúng ta nằm ở đâu trên bản đồ thế giới và tiếp giáp với các quốc gia nào trong số các quốc gia kể trên? Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta ảnh hưởng như thế nào đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên nước ta? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (65 phút)**

***2.1. Tìm hiểu về Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ (35 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS trình bày được đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 1.1, 1.2 kết hợp kênh chữ SGK tr 96-98 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

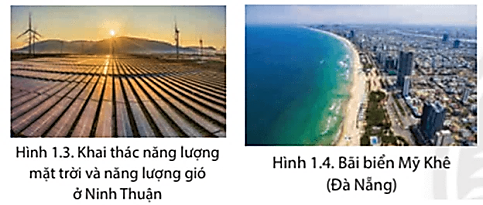
***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 1 SGK.  \* GV treo hình 1.1, 1.2 lên bảng.  \* GV yêu cầu HS quan sát hình 1.1, 1.2 hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:  *1. Phạm vi lãnh thổ nước ta gồm những bộ phận nào?*  *2. Vùng đất có diện tích bao nhiêu và gồm những bộ phận nào?*  *3. Xác định đường bờ biển của nước ta. Đường bờ biển nước ta dài bao nhiêu km? Nước ta có bao nhiêu tỉnh, thành phố giáp biển?*  *4. Vùng biển nước ta có diện tích bao nhiêu và gồm những bộ phận nào?*  *5. Trong vùng biển nước ta có bao nhiêu đảo lớn nhỏ? Tại sao việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn?*  *6. Vùng trời được xác định như thế nào?*  *7. Việt Nam nằm ở đâu trong khu vực Đông Nam Á? Là cầu nối giữa các lục địa nào và giữa các đại dương nào?*  *8. Việt Nam nằm gần nơi giao nhau giữa các luồng sinh vật và giữa các vành đai sinh khoáng nào?*  *9. Xác định vị trí tiếp giáp của nước ta.*  *10. Xác định hệ tọa độ địa lí trên đất liền và trên biển ở nước ta.*  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát quan sát hình 1.1, 1.2 hoặc Atlat ĐLVN và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:  1. Phạm vi lãnh thổ nước ta gồm vùng đất, vùng biển và vùng trời.  2. Vùng đất: diện tích 331212km2 gồm toàn bộ phần đất liền và các hải đảo.  3. HS xác định đường bờ biển trên bản đồ. Đường bờ biển nước ta dài 3260km, có 28/63 tỉnh, thành phố giáp biển.  4. Vùng biển nước ta ở Biển Đông có diện tích khoảng 1 triệu km2, gồm 5 bộ phận: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.  5.  - Trong vùng biển nước ta có hàng nghìn đảo lớn nhỏ, trong đó có 2 quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.  - Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn vì : Việc khẳng định chủ quyền của một nước đối với các đảo và quần đảo có ý nghĩa là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo, khẳng định lãnh thổ thống nhất toàn vẹn của Việt Nam.  6. Vùng trời là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta:  - Trên đất liền được xác định bằng các đường biên giới.  - Trên biển là ranh giới bên ngoài lãnh hải và không gian trên các đảo.  7.  - Việt Nam nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.  - Cầu nối giữa hai lục địa (Á - Âu và Ô-xtrây-li-a), giữa hai đại dương (Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương).  8. Việt Nam nằm gần nơi giao nhau giữa các luồng sinh vật từ Hoa Nam (Trung Quốc) xuống, từ Ấn Độ - Mi-an-ma sang và từ Ma-lai-xi-a - In-đô-nê-xi-a lên, giữa các vành đai sinh khoáng Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.  9. Tiếp giáp:  - Phía bắc giáp: Trung Quốc.  - Phía tây giáp Lào và Campuchia.  - Phía đông và nam giáp Biển Đông.  10.  - Hệ tọa độ trên đất liền: theo chiều bắc - nam từ 23°23′B đến 8°34′B, theo chiều đông - tây từ 109°24′Đ đến 102°09′Đ.  - Trên vùng biển, hệ tọa độ địa lí của nước ta còn kéo dài tới khoảng vĩ độ 6°50'B (ở phía nam) và từ kinh độ 101°Đ (ở phía tây) đến trên 117°20’Đ (ở phía đông).  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.  **\* GV mở rộng:**  - Nội thuỷ là vùng nước tiếp giáp với bờ biển, ở phía trong đường cơ sở và là bộ phận lãnh thổ của Việt Nam.  - Lãnh hải là vùng biển có chiều rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở ra phía biển. Ranh giới ngoài của lãnh hải là biên giới quốc gia trên biển của Việt Nam.  - Vùng tiếp giáp lãnh hải là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, có chiều rộng 12 hải lí tính từ ranh giới ngoài của lãnh hải.  - Vùng đặc quyền kinh tế là vùng biển tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, hợp với lãnh hải thành một vùng biển có chiều rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở.  - Thềm lục địa Việt Nam là đáy biển và lòng đất dưới đáy biển, tiếp liền và nằm ngoài lãnh hải Việt Nam, trên toàn bộ phần kéo dài tự nhiên của lãnh thổ đất liền, các đảo và quần đảo của Việt Nam cho đến mép ngoài của rìa lục địa. | **1. Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ**  ***a. Phạm vi lãnh thổ***  Bao gồm: vùng đất, vùng biển và vùng trời.  - Vùng đất: diện tích 331212km2 gồm toàn bộ phần đất liền và các hải đảo.  - Vùng biển của Việt Nam ở Biển Đông có diện tích khoảng 1 triệu km2, gồm 5 bộ phận: nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.  - Vùng trời là khoảng không gian bao trùm lên lãnh thổ nước ta.  ***b. Vị trí địa lí***  - Việt Nam nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.  - Tiếp giáp:  + Phía bắc giáp: Trung Quốc.  + Phía tây giáp Lào và Campuchia.  + Phía đông và nam giáp Biển Đông. |

**2.2. *Tìm hiểu về Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam. ( 30 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 1.3, 1.4 kết hợp kênh chữ SGK tr99 suy nghĩ và thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 2 SGK.  \* GV treo hình 1.3, 1.4 lên bảng.  \* GV chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS, yêu cầu HS quan sát hình 1.3, 1.4 và thông tin trong bày, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:  1. Nhóm 1, 2, 3 và 4 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Vị trí địa lí và lãnh thổ đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là gì?* |  | | *Vị trí địa lí và lãnh thổ ảnh hưởng đến sự phân hóa khí hậu nước ta như thế nào?* |  | | *Vì sao thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển?* |  |   2. Nhóm 5, 6, 7 và 8 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Vì sao tài nguyên sinh vật và khoáng sản nước ta lại phong phú?* |  | | *Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ tạo nên sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta theo chiều hướng nào?* |  | | *Kể tên một số thiên tai thường xảy ra ở nước ta.* |  |   **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát hình 1.3, 1.4 và thông tin trong bày, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện nhóm 1 và 5 lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:  1. Nhóm 1 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Vị trí địa lí và lãnh thổ đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là gì?* | Vị trí địa lí và lãnh thổ đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa và có sự phân hoá. | | *Vị trí địa lí và lãnh thổ ảnh hưởng đến sự phân hóa khí hậu nước ta như thế nào?* | - Việt Nam nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến ở bán cầu Bắc nên tổng bức xạ hằng năm lớn, cán cân bức xạ luôn dương. Nên khai thác được năng lượng mặt trời (hình 1.3).  - Nước ta nằm trong khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng của gió Mậu dịch (Tín phong) và gió mùa châu Á nên khí hậu có hai mùa rõ rệt. | | *Vì sao thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển?* | Thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển do tác động của các khối khí di chuyển qua biển kết hợp với vai trò của Biển Đông. Nên nước ta khai thác được năng lượng gió (hình 1.3) và phát triển du lịch biển (hình 1.4). |   2. Nhóm 5 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Vì sao tài nguyên sinh vật và khoáng sản nước ta lại phong phú?* | - Đối với sinh vật: Việt Nam nằm trên đường di lưu của nhiều luồng sinh vật. Thiên nhiên nước ta có tính đa dạng sinh học cao với nhiều kiểu hệ sinh thái, thành phần loài và nguồn gen.  - Đối với khoáng sản: do nằm ở nơi giao thoa của 2 vành đai sinh khoáng lớn Thái Bình Dương và Địa Trung Hải nên nước ta có tài nguyên khoáng sản phong phú. | | *Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ tạo nên sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta theo chiều hướng nào?* | Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ tạo nên sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta theo chiều Bắc - Nam và theo chiều Đông - Tây. | | *Kể tên một số thiên tai thường xảy ra ở nước ta.* | Bão, lũ lụt, hạn hán. |   \* HS các nhómcòn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.  **Bước 4. Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **2. Ảnh hưởng của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ đối với sự hình thành đặc điểm địa lí tự nhiên Việt Nam**  - Vị trí địa lí và lãnh thổ đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa và có sự phân hoá.  + Đối với khí hậu:  tổng bức xạ hằng năm lớn, cán cân bức xạ luôn dương, khí hậu có hai mùa rõ rệt.  + Thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.  + Đối với sinh vật:  tính đa dạng sinh học cao.  + Đối với khoáng sản:  tài nguyên khoáng sản phong phú.  - Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ tạo nên sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên nước ta.  - Tuy nhiên, nước ta cũng nằm trong vùng hay xảy ra thiên tai, nhất là bão. |

**3. Hoạt động luyện tập (10 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

***b. Nội dung*:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS dựa vào hình 1.2 và kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:

***1.***

*- Vị trí các điểm cực (gồm tọa độ, địa danh) trên đất liền của nước ta.*

***-***  *Một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giáp biển.*

***2****. Giải thích vì sao thiên nhiên nước ta có nhiều đặc điểm khác với một số nước cùng vĩ độ ở Tây Á?*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào hình 1.2 và kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

**1.**

- Vị trí các điểm cực trên đất liền của nước ta:

+ Cực Bắc (23023’B, 105020’Đ): tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

+ Cực Nam (8034’B, 104040’Đ): tại xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

+ Cực Tây (22022’B, 102009’Đ): tại xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.

+ Cực Đông (12040’B, 109024’Đ): tại Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

- Một số tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương giáp biểnlà: tỉnh Quảng Ninh, thành phố Hải Phòng, tỉnh Thái Bình, tỉnh Nam Định, tỉnh Ninh Bình, tỉnh Thanh Hóa, tỉnh Nghệ An, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Quảng Bình, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Thừa Thiên - Huế, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh,...

**2.** Thiên nhiên nước ta bốn mùa xanh tươi khác hẳn với các nước có cùng vĩ độ ở Tây Á là nhờ thiên nhiên nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, đặc biệt là do tác động của các khối khí di chuyển qua biển kết hợp với vai trò của biển Đông - nguồn dự trữ nhiệt, ẩm dồi dào, đã làm cho thiên nhiên nước ta chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển. Vì thế, thảm thực vật ở nước ta bốn mùa xanh tốt, rất giàu sức sống, khác hẳn với thiên nhiên một số nước có cùng vĩ độ ở Tây Á.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**4. Hoạt động vận dụng (5 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

***b. Nội dung*:** GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

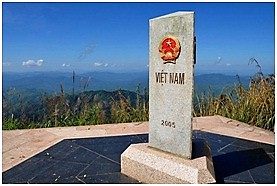
***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi cho HS: *Sưu tầm thông tin về một số cột mốc biên giới quốc gia của nước ta và chia sẻ với các bạn.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm kiếm thông tin trên Internet và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình vào tiết học sau:

**Cột mốc 0 A Pa Chải**

A Pa Chải là điểm cực Tây Tổ Quốc – nơi đây cũng được gọi là ngã ba biên giới vì là cửa ngõ của 3 nước Việt Nam, Trung Quốc và Lào. A Pa Chải thuộc địa phận huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên có phía Tây Bắc giáp với tỉnh Vân Nam – Trung Quốc, phía Tây Nam giáp với Lào.

**Cột mốc 79**

Cột mốc 79 là cột mốc biên giới cao nhất Việt Nam, nằm ở xã Mồ Sì San, huyện Phong Thổ, Lai Châu. Cột mốc được cắm vào ngày 24/10/2004 ở cao độ gần 3.000 m, trên vùng yên ngựa của đỉnh núi Phàn Liên San. “Nóc nhà biên cương” giữ nhiệm vụ phân chia biên giới ở tỉnh Lai Châu, Việt Nam và tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**BÀI 2. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH**

Phần: Địa lí, Lớp: 8, Thời lượng: dạy 4 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.

- Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

+ Trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.

+ Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr100-105.

+ Sử dụng bản đồ địa hình VN, lát cắt địa hình để xác định các đỉnh núi, dãy núi, hướng núi, cao nguyên, đồng bằng,…

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: viết báo cáo ngắn để mô tả những đặc điểm chủ yếu của địa hình nơi em đang sống.

**3. Về phẩm chất:** ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về địa hình VN.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

- KHBD, SGK, sách giáo viên (SGV), Atlat ĐLVN.

- Hình 2.1. Địa hình núi ở huyện Yên Minh, hình 2.2. Bản đồ địa hình VN, hình 2.3. Lát cắt địa hình từ Sa Pa đến Thanh Hóa, hình 2.4. Đỉnh núi Phan-xi-păng, hình 2.5. Bãi biển Lăng Cô hoặc các hình tương tự phóng to.

- Phiếu học tập, bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

**2. Học sinh (HS):**SGK, vở ghi, Atlat ĐLVN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)**

***a. Mục tiêu:***  Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

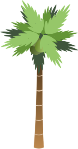
***b.Nội dung:***GV tổ chức trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” cho HS.

***c. Sản phẩm*:** HS giải được trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

\* GV treo bảng phụ trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” lên bảng



**1 2 3**

\* GV lần lượt cho HS quan sát các hình trên theo thứ tự từ 1 đến 3, yêu cầu HS cho biết tên chữ tương ứng với mỗi hình trên. GV khen thưởng cho HS trả lời đúng.

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ**:

\* HS quan sát các hình kết hợp với sự hiểu biết của bản thân, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận**:

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

1. **Đồng bằng**
2. **Bán bình nguyên**

**3. Cao nguyên**\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **GV dẫn dắt vào nội dung bài mới**: Đồng bằng, bán bình nguyên và cao nguyên là một những dạng địa hình ở nước ta. Đồng bằng, bán bình nguyên và cao nguyên có những đặc điểm gì? Ở nước ta có những đồng bằng, bán bình nguyên và cao nguyên nào? Bên cạnh những dạng địa hình này thì ở nước ta còn có những dạng địa hỉnh nào khác? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

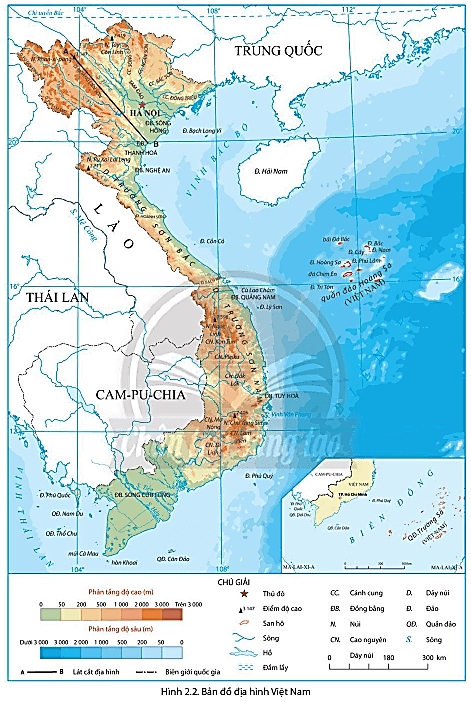
**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (145 phút)**

***2.1. Tìm hiểu về Đặc điểm chung của địa hình (55 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS trình bày được một trong những đặc điểm chủ yếu của địa hình Việt Nam.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 2.1, 2.2 (hoặc lược đồ địa hình), 2.3, 2.4 kết hợp kênh chữ SGK tr 100-102 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.





***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 1 SGK.  \* GV treo hình 2.1, 2.2 (hoặc lược đồ địa hình), 2.3, 2.4 SGK phóng to lên bảng.  \* GV yêu cầu HS quan sát hình 2.1, 2.2 (hoặc lược đồ địa hình), 2.3, 2.4 SGK hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:  *1. Địa hình nước ta có mấy đặc điểm chung? Kể tên.*  *2. Địa hình đồi núi chiếm bao nhiêu? Đồi núi thấp dưới 1000m chiến bao nhiêu? Núi cao trên 2000m chiếm bao nhiêu diện tích lãnh thổ?* *Xác định một số đỉnh núi cao trên 2000m trên bản đồ.*  *3. Đồng bằng chiếm bao nhiêu diện tích lãnh thổ?Đồng bằng nước ta được phân loại như thế nào?*  *4. Kể tên các bậc địa hình kế tiếp nhau từ nội địa ra biển. Qua đó em có nhận xét gì?*  *5. Vì sao địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa? Tính chất này biểu hiện như thế nào?*  *6. Quan sát video clip, hãy cho biết động Phong Nha được hình thành như thế nào?*  *7. Kể tên các dạng địa hình do con người tạo nên.*  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát quan sát hình 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 SGK hoặc Atlat ĐLVN và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:  1. Địa hình nước ta có 4 đặc điểm chung:  - Địa hình phần lớn là đồi núi.  - Địa hình được nâng lên tạo thành nhiều bậc.  - Địa hình mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa.  - Địa hình chịu tác động của con người.  2.  - Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ. Trong đó đồi núi thấp dưới 1000m chiến 85% (ví dụ: hình 2.1), núi cao trên 2000m chiếm 1% diện tích lãnh thổ (ví dụ: hình 2.2).  - Một số đỉnh núi cao trên 2000m: Phan-xi-păng 3147m, Phu Luông 2985m, Pu Xai Lai Leng 2711m, Ngọc Linh 2598m,…  3. Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ. Được chia thành đồng bằng châu thổ và đồng bằng ven biển.  4.  - Núi cao, núi trung bình, núi thấp, đồi, đồng bằng ven biển, thềm lục địa => Địa hình có độ cao giảm dần từ nội địa ra biển.  5.  - Nguyên nhân: nhiệt độ cao, lượng mưa lớn tập trung theo mùa, nước mưa hòa tan đá vôi cùng với sự khoét sâu của mạch nước ngầm.  - Biểu hiện:  + Qúa trình xâm thực, xói mòn diễn ra mạnh mẽ, địa hình bị cắt xẻ.  + Bồi tụ ở vùng đồng bằng và thung lũng.  + Nhiều hang động rộng lớn.  6. Do nước mưa hòa tan đá vôi cùng với sự khoét sâu của mạch nước ngầm.  7. Các dạng địa hình nhân tạo: đô thị, hầm mỏ, hồ chứa nước, đê, đập...  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **1. Đặc điểm chung của địa hình**  ***a. Địa hình phần lớn là đồi núi***  - Đồi núi chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ.  - Đồng bằng chiếm 1/4 diện tích lãnh thổ.  ***b. Địa hình được nâng lên tạo thành nhiều bậc***  Núi cao, núi trung bình, núi thấp, đồi, đồng bằng ven biển, thềm lục địa.  ***c. Địa hình mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa***  - Qúa trình xâm thực, xói mòn diễn ra mạnh mẽ, địa hình bị cắt xẻ.  - Bồi tụ ở vùng đồng bằng và thung lũng.  - Nhiều hang động rộng lớn.  ***d. Địa hình chịu tác động của con người***  Các dạng địa hình nhân tạo: đô thị, hầm mỏ, hồ chứa nước, đê, đập... |

**2.2. *Tìm hiểu về Đặc điểm của các khu vực địa hình (90 phút)***

***a. Mục tiêu*:** Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình: địa hình đồi núi, địa hình đồng bằng, địa hình bờ biển và thềm lục địa.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 2.2 SGK tr101 (hoặc lược đồ địa hình), hình 2.4 tr102, hình 2.5 kết hợp kênh chữ SGK tr103-104, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 2 SGK.  \* GV treo hình 2.2, 2.4, 2.5 lên bảng.  \* GV yêu cầu HS kể tên các khu vực địa hình ở nước ta.  \* GV chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS, yêu cầu HS quan sát hình 2.2 (hoặc lược đồ địa hình), 2.4, 2.5 hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, thảo luận nhóm trong 10 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:  1. Nhóm 1, 2 – phiếu học tập số 1  So sánh khu vực Đông Bắc và Tây Bắc:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** | | *Đông Bắc* |  |  | | *Tây Bắc* |  |  |   2. Nhóm 3, 4 – phiếu học tập số 2  So sánh khu vực Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** | | *Trường Sơn Bắc* |  |  | | *Trường Sơn Nam* |  |  |   3. Nhóm 5, 6 – phiếu học tập số 3  So sánh Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng ven biển miền Trung.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Diện tích**  **(km2)** | **Nguồn gốc hình thành** | **Đặc điểm** | | *Đồng bằng sông Hồng* |  |  |  | | *Đồng bằng sông Cửu Long* |  |  |  | | *Đồng bằng ven biển miền Trung* |  |  |  |   4. Nhóm 7, 8 – phiếu học tập số 4   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Trình bày đặc điểm địa hình bờ biển nước ta.* |  | | *Trình bày đặc điểm địa hình thềm lục địa nước ta.* |  |   \* GV yêu cầu HS *kể tên và xác định trên hình các dạng địa hình chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng ở nước ta.*  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát quan sát hình 2.2 (hoặc lược đồ địa hình), 2.4, 2.5 hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS kể tên: các khu vực địa hình: đồi núi, đồng bằng, bờ biển và thềm lục địa.  - Đại diện nhóm 1, 3, 5 ,7 lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:  1. Nhóm 1 – phiếu học tập số 1  So sánh khu vực Đông Bắc và Tây Bắc:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** | | *Đông Bắc* | Nằm ở tả ngạn sông Hồng. | Chủ yếu là đồi núi thấp, có 4 dãy núi hình cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) chụm lại ở Tam Đảo. Ngoài ra còn có địa hình cac-xtơ (cao nguyên đá Đồng Văn; hệ thống đảo đá vôi trong vịnh Hạ Long) | | *Tây Bắc* | Từ hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả. | Địa hình cao nhất nước ta (đỉnh Phan-xi-păng 3147,3m), với các dãy núi lớn có hướng tây bắc - đông nam như Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao. Trong khu vực còn có các dãy núi thấp, các cao nguyên, sơn nguyên đá vôi, các cánh đồng thung lũng… |   2. Nhóm 3 – phiếu học tập số 2  So sánh khu vực Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** | | *Trường Sơn Bắc* | Từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã. | Là vùng núi thấp, hướng tây bác - đông nam, gồm nhiều dãy núi song song, so le nhau, sườn phía đông hẹpvà dốc hơn so với sườn phía tây. | | *Trường Sơn Nam* | Từ phía nam dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ. | Gồm các khối núi Kon Tum, Cực Nam Trung Bộ nghiêng về phía đông và nhiều cao nguyên xếp tầng. |   3. Nhóm 5 – phiếu học tập số 3  So sánh Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng ven biển miền Trung.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Diện tích**  **(km2)** | **Nguồn gốc hình thành** | **Đặc điểm** | | *Đồng bằng sông Hồng* | 15000 | Do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp. | Ở phía bắc của đồng bằng còn nhiều đồi, núi sót và ở phía nam có nhiều ô trũng. Có hệ thống đê ven sông ngăn lũ nên khu vực ngoài đê được bồi đắp phù sa hằng năm, khu vực trong đê không được bồi đắp. | | *Đồng bằng sông Cửu Long* | 40000 | Do phù sa của hệ thống sông Mê Công bồi đắp. | Có hệ thống kênh rạch chằng chịt và chịu ảnh hưởng sâu sắc của chế độ thuỷ triều. Nhiều vùng trũng lớn: Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, U Minh. | | *Đồng bằng ven biển miền Trung* | 15000 | Từ phù sa sông hoặc kết hợp giữa phù sa sông và biển. | Dải đồng bằng này kéo dài từ Thanh Hoá đến Bình Thuận với nhiều đồng bằng nhỏ, hẹp. |   4. Nhóm 7 – phiếu học tập số 4   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Trình bày đặc điểm địa hình bờ biển nước ta.* | Địa hình bờ biển ở nước ta khá đa dạng: Các đồng bằng châu thổ, các bãi triều; một số nơi đồi núi lan ra sát biển làm cho đường bờ biển khúc khuỷu với các mũi đá, bán đảo, vũng vịnh sâu,...Ven biển Trung Bộ xuất hiện kiểu địa hình cồn cát, đầm, phá nhiều bãi biển đẹp. | | *Trình bày đặc điểm địa hình thềm lục địa nước ta.* | Mở rộng ở khu vực vịnh Bắc Bộ, vùng biển phía nam và tây nam, thu hẹp ở miền Trung. |   \* HS các nhóm 2, 4, 6, 8 lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.  \* HS kể tên: Các dạng địa hình chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng:  + Vùng đồi trung du ở Bắc Bộ.  + Bán bình nguyên ở Đông Nam Bộ.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.  **\* Mở rộng:**  Fansipan là đỉnh núi cao nhất trong dãy núi Hoàng Liên Sơn, nằm ở biên giới tỉnh Lào Cai và tỉnh Lai Châu. Về mặt hành chính, đỉnh Fansipan thuộc địa giới của cả huyện Tam Đường (Lai Châu) và thị xã Sa Pa (Lào Cai), cách trung tâm thị xã Sa Pa khoảng 9 km về phía tây nam. Chiều cao của đỉnh núi đo đạc vào năm 1909 là 3143 m, tuy vậy theo số liệu mới nhất của Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam đưa ra vào cuối tháng 6 năm 2019, đỉnh núi cao 3147,3 m. | **2. Đặc điểm của các khu vực địa hình**  ***a. Địa hình đồi núi***  - Khu vực Đông Bắc  + Phạm vi: Nằm ở tả ngạn sông Hồng.  + Đặc điểm hình thái: chủ yếu là đồi núi thấp, có 4 dãy núi hình cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) chụm lại ở Tam Đảo.  - Khu vực Tây Bắc  + Phạm vi: Từ hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả.  + Đặc điểm hình thái: địa hình cao nhất nước ta (đỉnh Phan-xi-păng 3147,3m), với các dãy núi lớn có hướng tây bắc - đông nam như Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao.  - Khu vực Trường Sơn Bắc  + Phạm vi: từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã.  + Đặc điểm hình thái: là vùng núi thấp, hướng tây bác - đông nam, gồm nhiều dãy núi song song, so le nhau, sườn phía đông hẹp và dốc hơn so với sườn phía tây.  - Khu vực Trường Sơn Nam  + Phạm vi: từ phía nam dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ.  + Đặc điểm hình thái: gồm các khối núi nghiêng về phía đông và nhiều cao nguyên xếp tầng.  - Ngoài ra ở Bắc Bộ có vùng đồi trung du, ở Đông Nam Bộ là dạng địa hình bán bình nguyên.  ***b. Địa hình đồng bằng***  - Đồng bằng sông Hồng  + Diện tích: khoảng 15000km2.  + Nguồn gốc hình thành: do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp.  + Đặc điểm: Ở phía bắc của đồng bằng còn nhiều đồi, núi sót và ở phía nam có nhiều ô trũng. Có hệ thống đê ven sông ngăn lũ.  - Đồng bằng sông Cửu Long  + Diện tích: khoảng 40000 km2.  + Nguồn gốc hình thành: do phù sa của hệ thống sông Mê Công bồi đắp.  + Đặc điểm: có hệ thống kênh rạch chằng chịt và chịu ảnh hưởng sâu sắc của chế độ thuỷ triều. Nhiều vùng trũng lớn.  - Đồng bằng ven biển miền Trung  + Diện tích: khoảng 15000 km2.  + Nguồn gốc hình thành: từ phù sa sông hoặc kết hợp giữa phù sa sông và biển.  + Đặc điểm: Dải đồng bằng này kéo dài từ Thanh Hoá đến Bình Thuận với nhiều đồng bằng nhỏ, hẹp.  ***c. Địa hình bờ biển và thềm lục địa***  - Địa hình bờ biển ở nước ta khá đa dạng: Các đồng bằng châu thổ, các bãi triều; đường bờ biển khúc khuỷu với các mũi đá, bán đảo, vũng vịnh sâu,...Ven biển Trung Bộ xuất hiện kiểu địa hình cồn cát, đầm, phá nhiều bãi biển đẹp.  - Thềm lục địa: mở rộng ở khu vực vịnh Bắc Bộ, vùng biển phía nam và tây nam, thu hẹp ở miền Trung. |

**3. Hoạt động luyện tập (20 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

***b. Nội dung*:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS dựa vào hình 2.2 hoặc Atlat ĐLVN và kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:

***1.*** *Hoàn thành bảng so sánh về phạm vi và đặc điểm hình thái các khu vực đồi núi.*

***2.*** *So sánh đặc điểm địa hình của Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào hình 2.2 hoặc Atlat ĐLVN, kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

1.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Phạm vi** | **Đặc điểm hình thái** |
| *Đông Bắc* | Nằm ở tả ngạn sông Hồng. | Chủ yếu là đồi núi thấp, có 4 dãy núi hình cánh cung (Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều) chụm lại ở Tam Đảo. Ngoài ra còn có địa hình cac-xtơ (cao nguyên đá Đồng Văn; hệ thống đảo đá vôi trong vịnh Hạ Long) |
| *Tây Bắc* | Từ hữu ngạn sông Hồng đến sông Cả. | Địa hình cao nhất nước ta (đỉnh Phan-xi-păng 3147,3m), với các dãy núi lớn có hướng tây bắc - đông nam như Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao. Trong khu vực còn có các dãy núi thấp, các cao nguyên, sơn nguyên đá vôi, các cánh đồng thung lũng… |
| *Trường Sơn Bắc* | Từ phía nam sông Cả đến dãy Bạch Mã. | Là vùng núi thấp, hướng tây bác - đông nam, gồm nhiều dãy núi song song, so le nhau, sườn phía đông hẹpvà dốc hơn so với sườn phía tây. |
| *Trường Sơn Nam* | Từ phía nam dãy Bạch Mã đến Đông Nam Bộ. | Gồm các khối núi Kon Tum, Cực Nam Trung Bộ nghiêng về phía đông và nhiều cao nguyên xếp tầng. |

2.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Diện tích**  **(km2)** | **Nguồn gốc hình thành** | **Đặc điểm** |
| *Đồng bằng sông Hồng* | 15000 | Do phù sa sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp. | Ở phía bắc của đồng bằng còn nhiều đồi, núi sót và ở phía nam có nhiều ô trũng. Có hệ thống đê ven sông ngăn lũ nên khu vực ngoài đê được bồi đắp phù sa hằng năm, khu vực trong đê không được bồi đắp. |
| *Đồng bằng sông Cửu Long* | 40000 | Do phù sa của hệ thống sông Mê Công bồi đắp. | Có hệ thống kênh rạch chằng chịt và chịu ảnh hưởng sâu sắc của chế độ thuỷ triều. Nhiều vùng trũng lớn: Đồng Tháp Mười, Tứ giác Long Xuyên, U Minh. |
| *Đồng bằng ven biển miền Trung* | 15000 | Từ phù sa sông hoặc kết hợp giữa phù sa sông và biển. | Dải đồng bằng này kéo dài từ Thanh Hoá đến Bình Thuận với nhiều đồng bằng nhỏ, hẹp. |

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**4. Hoạt động vận dụng (5 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

***b. Nội dung*:** GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi cho HS: *Em hãy lựa chọn thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:*

*Nhiệm vụ 1: Viết một báo cáo ngắn để mô tả những đặc điểm chủ yếu của địa hình nơi em sinh sống.*

*Nhiệm vụ 2: Thu thập thông tin và hình ảnh về tác động của con người đã làm thay đổi địa hình ở địa phương em.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS dựa vào kiến thức đã học, tìm kiếm thông tin trên Internet và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình vào tiết học sau: (Chọn nhiệm vụ 1)

**Địa hình của Thành phố Hồ Chí Minh** là đồng bằng thấp. Mặc dù có một phần tương đối lớn lãnh thổ là vùng trũng (trên 70% diện tích đất tự nhiên nằm trong vùng chịu tác động của thuỷ triều), nhưng do tác động của chế độ bán nhật triều nên khả năng thoát nước nhanh, ít gây ngập úng kéo dài, thuận lợi cho việc xây dựng các công trình dân dụng và phát triển các ngành kinh tế. Nhìn chung, địa hình Thành phố Hồ Chí Minh không phức tạp, song cũng khá đa dạng, có điều kiện để phát triển nhiều mặt, nhất là giao thông vận tải.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**BÀI 3. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỊA HÌNH ĐỐI VỚI SỰ PHÂN HÓA TỰ NHIÊN VÀ KHAI THÁC KINH TẾ**

Phần: Địa lí, Lớp: 8, Thời lượng: dạy 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế.

- Năng lực tìm hiểu địa lí: Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr106-108.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: địa phương em có dạng địa hình nào? Hoạt động kinh tế chủ yếu ở đây là gì?

**3. Về phẩm chất:** ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về địa hình VN.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

- KHBD, SGK, sách giáo viên (SGV), Atlat Địa lí VN.

- Bản đồ địa hình VN (hình 2.2 SGK tr101), hình 3.1. Vườn tiêu Bù Gia Mập, hình 3.2. Bãi biển Nha Trang và các hình ảnh tương tự phóng to.

- Phiếu học tập, bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

**2. Học sinh (HS):**SGK, vở ghi, Atlat Địa lí VN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)**

***a. Mục tiêu:***  Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

***b.Nội dung:***GV tổ chức trò chơi “Vượt chướng ngại vật” cho HS.

***c. Sản phẩm*:** HS giải mã được “Chướng ngại vật” GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

\* GV treo bảng phụ trò chơi “Vượt chướng ngại vật” lên bảng:

**1**

**2**

**3**

**4**

\* GV phổ biến luật chơi:

- “Chướng ngại vật” là tên hình ảnh ẩn sau 4 mảnh ghép được đánh số từ 1 đến 4 tương ứng với 4 câu hỏi.

- Các em dựa vào Atlat ĐLVN và sự hiểu biết của bản thân để trả lời, các em có quyền lựa chọn thứ tự câu hỏi để trả lời, mỗi câu hỏi có 1 lượt trả lời.

- Em nào trả lời đúng sẽ nhận được 1 phần quà nhỏ (ví dụ 1 cây bút) và mảng ghép sẽ biến mất để hiện ra một góc của hình ảnh tương ứng, trả lời sai mảnh ghép sẽ bị khóa lại, trong quá trình trả lời, em nào trả lời đúng “Chướng ngại vật” thì sẽ nhận được phần quà lớn hơn (ví dụ 3 cây bút).

\* Hệ thống câu hỏi:

**Câu 1.** Kể tên các dãy núi ở khu vực Tây Bắc.

**Câu 2.** Kể tên các cao nguyên ở khu vực Trường Sơn Nam.

**Câu 3.** Kể tên các đồng bằng ở nước ta.

**Câu 4.** Kể tên các bãi biển đẹp ở nước ta.

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ**:

\* HS quan sát Atlat ĐLVN và sự hiểu biết của bản thân, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận**:

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

**Câu 1:** Dãy Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao.

**Câu 2:** Cao nguyênKon Tum, Plây Ku, Đăk Lăk, Lâm Viên, Mơ Nông Di Linh.

**Câu 3:** Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng ven biển miền Trung.

**Câu 4:** Sầm Sơn, Đà Nẵng, Nha Trang, Vũng Tàu,…



**THỦY ĐIỆN SƠN LA**

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **GV dẫn dắt vào nội dung bài mới**: Nhà máy thủy điện Sơn La được xây dựng trên dòng chính sông Đà tại xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La, chảy trên khu vực núi cao Tây Bắc nên sông có sức nước mạnh và chảy xiết, tạo nên công suất lắp máy 2.400 MW, đến thời điểm hiện tại thủy điện Sơn La trở thành nhà máy thủy điện lớn nhất Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Đó là một ví dụ minh chứng cho ảnh hưởng của địa hình đến sông ngòi và khai thác kinh tế nước ta. Vậy bên cạnh ảnh hưởng đến sông ngòi và ngành thủy điện thì địa hình nước ta còn ảnh hưởng đến sự phân hóa tự nhiên và khai thác kinh tế nào khác? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (65 phút)**

***2.1. Tìm hiểu về Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên (30 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa tự nhiên.

***b. Nội dung*:** Dựa vào hình 2.2 SGK tr101 hoặc Atlat ĐLVN và các hình ảnh tương tự kết hợp kênh chữ SGK tr106, 107 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 1 SGK.  \* GV treo bản đồ địa hình VN lên bảng.  \* GV yêu cầu HS quan sát hình 2.2 hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:  *1. Cho biết độ cao địa hình ảnh hưởng đến khí hậu và sinh vật như thế nào? Cho ví dụ.*  *2. Cho biết hướng của các sườn núi ảnh hưởng đến khí hậu và sinh vật như thế nào? Cho ví dụ.*  *3. Xác định các sông chảy theo hướng TB-ĐN và vòng cung trên bản đồ địa hình. Giải thích.*  *4. Cho biết độ dốc địa hình ảnh hưởng đến tốc độ dòng chảy như thế nào? Cho ví dụ.*  *5. Kể tên các loại đất ở khu vực đồi núi và đồng bằng của nước ta.*  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát bản đồ hình 2.2 hoặc Atlat ĐLVN và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:  1. Có 3 đai cao:  - Đai nhiệt đới gió mùa: độ cao dưới 600-700m (miền Bắc) hoặc dưới 900-1000m (miền Nam); mùa hạ nóng, sinh vật tiêu biểu là hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh và rừng nhiệt đới gió mùa như như ở VQG Cúc Phương.  - Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi: lên đến độ cao 2600m, khí hậu mát mẻ, sinh vật gồm có rừng cận nhiệt lá rộng, rừng lá kim... ví dụ như rừng thông ở Đà Lạt.  - Đai ôn đới gió mùa trên núi: ở độ cao trên 2600m (chỉ có ở miền Bắc): khí hậu mang tính chất ôn đới, sinh vật là các loài thực vật ôn đới ví dụ như đỗ quyên, lãnh sam, thiết sam...  2.  - Ở sườn đón gió: mưa nhiều, sinh vật phát triển.  - Ở sườn khuất gió: mưa ít, sinh vật nghèo nàn hơn.  - Ví dụ: Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây, bên nắng đốt (ven biển miền Trung), bên mưa quây (Tây Nguyên).  3.  - Hướng TB – ĐN: sông Hồng, sông Đà, sông Mã, sông Cả, sông Hậu,…  - Hướng vòng cung: sông Cầu, sông Thương, sông Gâm,…  - Nguyên nhân: hướng nghiêng TB- ĐN và vòng cung của địa hình ảnh hưởng đến hướng chảy sông ngòi.  4.  - Ở vùng núi sông thường chảy nhanh (ví dụ: sông Đà).  - Ở vùng đồng bằng sông chảy chậm và điều hòa (ví dụ: sông Hậu).  5.  - Ở khu vực đồi núi: đất feralit trên đá badan, đất feralit trên đá vôi và trên các loại đá khác.  - Ở khu vực đồng bằng: đất phù sa sông, đất phèn, đất mặn, đất cát biển, đất xám trên phù sa cổ.  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **1. Ảnh hưởng của địa hình đối với sự phân hóa lãnh thổ tự nhiên**  ***a. Đối với khí hậu và sinh vật***  - Theo độ cao: chia thành 3 vòng đai: nhiệt đới gió mùa, cận nhiệt đới gió mùa trên núi, ôn đới gió mùa trên núi.  - Theo hướng sườn:  + Ở sườn đón gió: mưa nhiều, sinh vật phát triển.  + Ở sườn khuất gió: mưa ít, sinh vật nghèo nàn hơn.  ***b. Đối với sông ngòi và đất***  - Đối với sông ngòi:  + Hướng nghiêng địa hình ảnh hưởng đến hướng chảy sông ngòi: theo 2 hướng chính là TB- ĐN và vòng cung.  + Độ dốc ảnh hưởng đến tốc độ dòng chảy: ở vùng núi sông thường chảy nhanh, vùng đồng bằng sông chảy chậm và điều hòa.  - Đối với đất: khu vực đồi núi chủ yếu là đất feralit, khu vực đồng bằng là đất phù sa. |

**2.2. *Tìm hiểu về Ảnh hưởng của địa hình đối với khai thác kinh tế (35 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS tìm được ví dụ chứng minh ảnh hưởng của địa hình đối với khai thác kinh tế.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 3.1, 3.2 và các hình ảnh tương tự kết hợp kênh chữ SGK tr107-108, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 2 SGK.  \* GV chia lớp làm 6 nhóm, mỗi nhóm từ 6 đến 8 em, yêu cầu HS, yêu cầu HS quan sát hình 3.1, 3.2 và thông tin trong bày, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:  1. Nhóm 1, 2 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nêu những thuận lợi và khó khăn của địa hình đồi núi đối với khai thác kinh tế.* |  | | *Tìm ví dụ về ảnh hưởng của địa hình đồi núi đối với khai thác kinh tế.* |  |   2. Nhóm 3, 4 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nêu những thuận lợi và khó khăn của địa hình đồng bằng đối với khai thác kinh tế.* |  | | *Tìm ví dụ về ảnh hưởng của địa hình đồng bằng đối với khai thác kinh tế.* |  |   3. Nhóm 5, 6 – phiếu học tập số 3   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nêu những thuận lợi và khó khăn của địa hình bờ biển đối với khai thác kinh tế.* |  | | *Tìm ví dụ về ảnh hưởng của địa hình bờ biển đối với khai thác kinh tế.* |  |   **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát quan sát hình 3.1, 3.2 và thông tin trong bày, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện nhóm 1, 3, 5 lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:  1. Nhóm 1 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nêu những thuận lợi và khó khăn của địa hình đồi núi đối với khai thác kinh tế.* | - Thuận lợi:  + Hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn và lâm nghiệp. + Phát triển thủy điện, khai thác và chế biến khoáng sản.  - Khó khăn: địa hình bị chia cắt gây hạn chế trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển giao thông và hay xảy ra thiên tai: lũ quét, sạt lở đất… | | *Tìm ví dụ về ảnh hưởng của địa hình đồi núi đối với khai thác kinh tế.* | - Thuận lợi: trồng cà phê ở Tây Nguyên, chăn nuôi bò sữa ở Tây Bắc.  - Khó khăn: lũ quét ở Tây Bắc, sạt lở đất ở Tây Nguyên. |   2. Nhóm 3 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nêu những thuận lợi và khó khăn của địa hình đồng bằng đối với khai thác kinh tế.* | - Thuận lợi: đất phì nhiêu ở đồng bằng là vùng sản xuất lương thực, thực phẩm, cây ăn quả; phát triển thủy sản.  - Khó khăn: thiên tai: bão, lụt, hạn hán… | | *Tìm ví dụ về ảnh hưởng của địa hình đồng bằng đối với khai thác kinh tế.* | - Thuận lợi: trồng lúa ở ĐB. Sông Hồng, trồng cây ăn quả như chôm chôm, xoài, sầu riêng… ở ĐB. Sông Cửu Long.  - Khó khăn: ngập lụt ở ĐB. Sông Hồng, hạn hán, xâm nhập mặn ở ĐB. Sông Cửu Long. |   3. Nhóm 5 – phiếu học tập số 3   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nêu những thuận lợi và khó khăn của địa hình bờ biển đối với khai thác kinh tế.* | - Thuận lợi: Phát triển du lịch biển, nuôi trồng hải sản, xây dựng cảng biển đặc biệt là cảng nước sâu.  - Khó khăn: một số đoạn bờ biển bị mài mòn, sạt lở... | | *Tìm ví dụ về ảnh hưởng của địa hình bờ biển đối với khai thác kinh tế.* | - Thuận lợi: phát triển du lịch biển Nha Trang, phát triên giao thông vận tải biển: cảng Hải Phòng.  - Khó khăn: bão đổ bộ vào Đà Nẵng, sạt lở bờ biển ở Bình Thuận. |   \* HS các nhóm 2, 4, 6, 8 lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **2. Ảnh hưởng của địa hình đối với khai thác kinh tế**  ***a. Đối với địa hình đồi núi***  - Thuận lợi:  + Hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn và lâm nghiệp.  + Phát triển thủy điện, khai thác và chế biến khoáng sản.  - Khó khăn: địa hình bị chia cắt gây hạn chế trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển giao thông và hay xảy ra thiên tai: lũ quét, sạt lở đất…  ***b. Đối với đại hình đồng bằng***  - Thuận lợi: đất phì nhiêu ở đồng bằng là vùng sản xuất lương thực, thực phẩm, cây ăn quả; phát triển thủy sản.  - Khó khăn: thiên tai: bão, lụt, hạn hán…  ***c. Đối với địa hình bờ biển***  - Thuận lợi: Phát triển du lịch biển, nuôi trồng hải sản, xây dựng cảng biển đặc biệt là cảng nước sâu.  - Khó khăn: một số đoạn bờ biển bị mài mòn, sạt lở... |

**3. Hoạt động luyện tập (10 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

***b. Nội dung*:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:

***1.*** *Vẽ sơ đồ thể hiện ảnh hưởng của địa hình đối với khí hậu và sinh vật hoặc đối với sông ngòi và đất của nước ta.*

***2.*** *Lấy một số ví dụ cụ thể về ảnh hưởng của địa hình đối với sự phát triển một ngành kinh tế ở nước ta.*

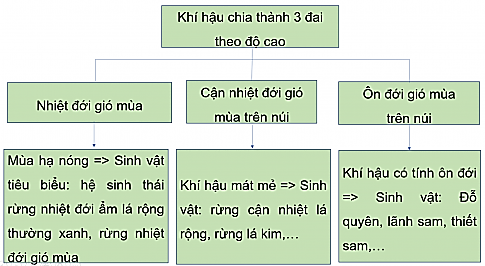
**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

1.

2. Ví dụ yếu tố địa hình ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp:

- Địa hình miền núi

+ Thuận lợi: trồng cà phê ở Tây Nguyên, chăn nuôi bò sữa ở Tây Bắc.

+ Khó khăn: lũ quét ở Tây Bắc, sạt lở đất ở Tây Nguyên.

- Địa hình đồng bằng:

+ Thuận lợi: trồng lúa ở ĐB. Sông Hồng, trồng cây ăn quả như chôm chôm, xoài, sầu riêng… ở ĐB. Sông Cửu Long.  
 + Khó khăn: ngập lụt ở ĐB. Sông Hồng, hạn hán, xâm nhập mặn ở ĐB. Sông Cửu Long.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**4. Hoạt động vận dụng (5 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

***b. Nội dung*:** GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi cho HS: *Địa phương em có dạng địa hình nào? Hoạt động kinh tế chủ yếu ở đây là gì?*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm kiếm thông tin trên Internet và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình vào tiết học sau:

- TPHCM thuộc dạng địa hình đồng bằng.

- Các hoạt động kinh tế ở TPHCM:

+ Sản xuất nông nghiệp: trồng lúa, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi bò, lợn, gia cầm...

+ Sản xuất công nghiệp: cơ khí, điện tử, đóng tàu, chế biến lương thực thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng, dệt may,...

+ Các hoạt động giao thông vận tải, thương mại, du lịch,…

+ Khó khăn: đia hình thấp nên dễ bị ngập lụt vào mùa mưa và thủy triều dâng ảnh hưởng các hoạt động kinh tế.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**BÀI 4. ĐẶC ĐIỂM CHUNG CỦA TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN,**

**SỬ DỤNG HỢP LÍ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN**

Phần: Địa lí, Lớp: 8, Thời lượng: dạy 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản VN.

- Phân tích được vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

+ Trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản VN.

+ Phân tích được vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr109-112.

+ Sử dụng bản đồ hình 4.1 SGK để xác định tên các mỏ khoáng sản ở nước ta.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: sưu tầm thông tin để viết báo cáo ngắn về một loại khoáng sản của nước ta.

**3. Về phẩm chất:** Ý thức học tập nghiêm túc, ý thức sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản tránh cạn kiệt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

- KHBD, SGK, sách giáo viên (SGV), Atlat Địa lí Việt Nam (ĐLVN)

- Hình 4.1. Bản đồ phân bố một số khoáng sản VN, hình 4.2. Khai thác ở mỏ than Cọc Sáu và các hình ảnh tương tự phóng to.

- Phiếu học tập, bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

**2. Học sinh (HS):**SGK, vở ghi, Atlat ĐLVN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)**

***a. Mục tiêu:***  Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

***b.Nội dung:***GV cho HS xem video clip về khai thác bô-xít ở Tây Nguyên.

***c. Sản phẩm*:** HS trả lời được câu hỏi GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

\* GV đặt câu hỏi cho HS: *hãy cho biết video clip nói đến việc khai thác loại khoáng sản nào? Loại khoáng sản này phân bố ở vùng nào của nước ta?*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ**:

\* HS quan sát video clip và sự hiểu biết của bản thân, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận**:

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: khai thác bô-xít ở Tây Nguyên.

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

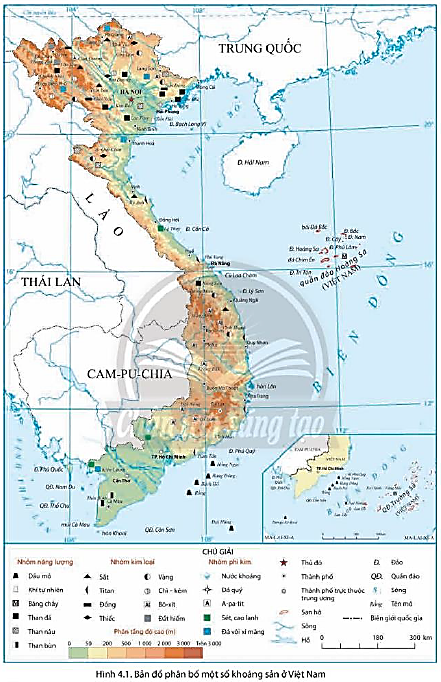
**Bước 4.** **GV dẫn dắt vào nội dung bài mới**: Bô-xít là một loại tài nguyên khoáng sản quan trọng không chỉ ở Tây Nguyên mà còn cả nước ta đóng góp không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Vậy nước ta có những mỏ bô-xít nào? Phân bố ở đâu? Bên cạnh bô-xít thì nước ta còn có những loại khoáng sản nào khác? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (65 phút)**

***2.1. Tìm hiểu về Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản (35 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS trình bày và giải thích được đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản VN.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 4.1 hoặc Atlat ĐLVN, các hình ảnh minh họa kết hợp kênh chữ SGK tr 109-111 suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 1 SGK.  \* GV treo hình 4.1 SGK lên bảng.  \* GV yêu cầu HS quan sát bản đồ hình 4.1 SGK hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:  *1. Khoáng sản nước ta có mấy đặc điểm chung? Kể tên.*  *2. Chứng minh khoáng sản nước ta khá phong phú và đa dạng.*  *3. Khoáng sản nước ta chia làm mấy nhóm? Tên các khoáng sản của từng nhóm.*  *4. Phần lớn khoáng sản nước ta có trữ lượng như thế nào? Kể tên các khoáng sản có trữ lượng lớn ở nước ta.*  *5. Khoáng sản nước ta phân bố như thế nào? Xác định sự phân bố của một số khoáng sản có trữ lượng lớn ở nước ta.*  *6. Giải thích vì sao khoáng sản nước ta lại phong phú, đa dạng và phân bố tương đối rộng?*  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát quan sát bản đồ hình 4.1 SGK hoặc Atlat ĐLVN và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:  1. Có 3 đặc điểm chung:  - Tài nguyên khoáng sản nước ta khá phong phú và đa dạng.  - Phần lớn các mỏ có quy mô trung bình và nhỏ.  - Khoáng sản phân bố tương đối rộng.  2.  - Có trên 5000 mỏ và điểm quặng của hơn 60 loại khoáng sản khác nhau.  - Một số loại khoáng sản: dầu mỏ, khí tự nhiên, than đá, than bùn, sắt, mangan, titan, vàng, đồng, thiếc, bô-xit, apatit, đá quý, đá vôi, sét, cao lanh, nước khoáng.  3. Khoáng sản nước ta chia làm 3 nhóm:  - Khoáng sản năng lượng (than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên,…).  - Khoáng sản kim loại (sắt, đồng, bô-xit, man-gan, đất hiếm,..).  - Khoáng sản phi kim loại (a-pa-tit, đá vôi,...).  4.  - Phần lớn các mỏ khoáng sản ở nước ta có trữ lượng trung bình và nhỏ.  - Một số loại khoáng sản có trữ lượng lớn như: dầu mỏ, bô-xit, đất hiếm, titan,…  5.  - Khoáng sản ở nước ta phân bố tương đối rộng khắp trong cả nước.  - Các khoáng sản có trữ lượng lớn phân bố tập trung ở một số khu vực.  HS xác định:  - Dầu mỏ và khí tự nhiên ở vùng thềm lục địa.  - Than đá ở vùng Đông Bắc.  - Than nâu ở đồng bằng sông Hồng.  - Titan ở vùng Duyên hải miền Trung.  - Bô-xit ở Tây Nguyên.  6.  - Lịch sử phát triển địa chất lâu dài và phức tạp qua 3 giai đoạn: Tiền Cambri, Cổ kiến tạo và Tân kiến tạo.  - Vị trí địa lí nước ta nằm ở nơi giao nhau giữa 2 vành đai sinh khoáng lớn là Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **1. Đặc điểm chung của tài nguyên khoáng sản**  ***a. Tài nguyên khoáng sản nước ta khá phong phú và đa dạng***  - Nước ta đã xác định được trên 5.000 mỏ và điểm quặng của hơn 60 loại khoáng sản khác nhau.  - Có đủ các nhóm khoáng sản, như: khoáng sản năng lượng, khoáng sản kim loại và phi kim loại.  ***b. Phần lớn các mỏ có quy mô trung bình và nhỏ***  - Phần lớn các mỏ khoáng sản ở nước ta có trữ lượng trung bình và nhỏ.  - Một số loại khoáng sản có trữ lượng lớn như: dầu mỏ, bô-xit, đất hiếm, titan,…  ***c. Khoáng sản phân bố tương đối rộng***  - Khoáng sản ở nước ta phân bố tương đối rộng khắp trong cả nước.  - Các khoáng sản có trữ lượng lớn phân bố tập trung ở một số khu vực. |

**2.2. *Tìm hiểu về Sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản. ( 30 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS phân tích được vấn đề sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 4.2 và các hình ảnh tương tự kết hợp kênh chữ SGK tr111, 112 suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 2 SGK.  \*GV treo hình 4.2 lên bảng.  \* GV chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS, yêu cầu HS quan sát hình 4.2 và thông tin trong bày, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:  1. Nhóm 1, 2, 3 và 4 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nêu vai trò của tài nguyên khoáng sản nước ta.* |  | | *Nêu hiện trạng khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản.* |  | | *Nguyên nhân nào dẫn đến việc khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản chưa hợp lí?* |  |   2. Nhóm 5, 6, 7 và 8 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Việc khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản chưa hợp lí gây ra những hậu quả gì? Lấy ví dụ cụ thể để chứng minh.* |  | | *Nêu các biện pháp sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản nước ta.* |  |   **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát hình 4.2 và thông tin trong bày, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện nhóm 1 và 5 lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:  1. Nhóm 1 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nêu vai trò của tài nguyên khoáng sản nước ta.* | Tài nguyên khoáng sản có vai trò quan trọng trong nền kinh tế - xã hội của đất nước: là nguồn nguyên liệu chính cho nhiều ngành công nghiệp, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, cung cấp nhiên liệu cho sản xuất, phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày của người dân. | | *Nêu hiện trạng khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản.* | - Nhiều loại tài nguyên khoáng sản nước ta vẫn chưa được thăm dò, đánh giá đầy đủ tiềm năng và giá trị.  - Một số loại tài nguyên chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả. | | *Nguyên nhân nào dẫn đến việc khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản chưa hợp lí?* | - Vẫn còn tình trạng khai thác quá mức, bừa bãi, trái phép.  - Công nghệ khai thác một số khoáng sản chưa tiên tiến. |   2. Nhóm 5 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Việc khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản chưa hợp lí gây ra những hậu quả gì? Lấy ví dụ cụ thể để chứng minh.* | - Gây lãng phí tài nguyên và những hệ quả như xói mòn, trượt đất, suy giảm đa dạng sinh học, ô nhiễm đất, nước và huỷ hoại môi trường ở những nơi khai thác khoáng sản.  - Ví dụ: Sạt lở sông Hậu do khai thác cát, ô nhiễm biển do khai thác dầu ở thềm lục địa phía nam. | | *Nêu các biện pháp sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản nước ta.* | Thực hiện nghiêm Luật Khoáng sản Việt Nam, áp dụng các biện pháp quản lí chặt chẽ,tăng cường trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân, áp dụng các biện pháp công nghệ tiên tiến, tăng cường nghiên cứu, sử dụng các nguồn vật liệu thay thế. |   \* HS các nhómcòn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.  **Bước 4. Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.  **\* GV mở rộng:** LUẬT KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  Điều 8. Những hành vi bị cấm  1. Lợi dụng hoạt động khoáng sản xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.  2. Lợi dụng thăm dò để khai thác khoáng sản.  3. Thực hiện điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, hoạt động khoáng sản khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép.  4. Cản trở trái pháp luật hoạt động điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, hoạt động khoáng sản.  5. Cung cấp trái pháp luật thông tin về khoáng sản thuộc bí mật nhà nước.  6. Cố ý hủy hoại mẫu vật địa chất, khoáng sản có giá trị hoặc quý hiếm.  7. Các hành vi khác theo quy định của pháp luật. | **2. Sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản**  ***a. Hiện trạng khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản***  - Nhiều loại tài nguyên khoáng sản nước ta vẫn chưa được thăm dò, đánh giá đầy đủ tiềm năng và giá trị.  - Một số loại tài nguyên chưa được khai thác và sử dụng hiệu quả, vẫn còn tình trạng khai thác quá mức.  - Công nghệ khai thác một số khoáng sản chưa tiên tiến, gây lãng phí tài nguyên.  ***b. Biện pháp sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản***  - Thực hiện nghiêm Luật Khoáng sản Việt Nam.  - Áp dụng các biện pháp quản lí chặt chẽ,tăng cường trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân.  - Áp dụng các biện pháp công nghệ tiên tiến, tăng cường nghiên cứu, sử dụng các nguồn vật liệu thay thế. |

**3. Hoạt động luyện tập (10 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

***b. Nội dung*:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:

***1.*** *Hoàn thành sơ đồ thể hiện các đặc điểm chung về tài nguyên khoáng sản Việt Nam.*

***2****. Lấy một số ví dụ chứng minh khai thác khoáng sản có ảnh hưởng đến môi trường ở nước ta.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào hình 1.2 và kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

**1.**

**2.**

- Theo báo cáo của Bộ TN&MT, gần đây tình trạng khai thác trái phép cát, sỏi dọc theo sông Hồng sử dụng tàu cuốc, xe múc, máy nổ làm huỷ hoại môi trường sinh thái, làm sạt lở đất, làm biến đổi dòng chảy sông, và thay đổi chất lượng nước sông.

- Hoạt động khai thác mỏ than lộ thiên, do phải bốc xúc một lượng đất đá thải khá lớn, đất đá bị đào xới. Các đồng ruộng, khe suối phía dưới các bãi thải bị bồi lấp do sạt lở, xói mòn khi mưa lũ.

- Trong khai thác vàng, ngay tại các mỏ vàng đã được cấp phép, đa số các nhà máy không có hệ thống xử lý nước thải, tình trạng nước thải chưa qua xử lý chứa các loại hóa chất độc hại như xianua, thủy ngân đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, gây ô nhiễm nguồn nước.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**4. Hoạt động vận dụng (5 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

***b. Nội dung*:** GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi cho HS: *Hãy sưu tầm thông tin để viết báo cáo ngắn về một loại khoáng sản ở nước ta và chia sẻ với các bạn.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm kiếm thông tin trên Internet và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình vào tiết học sau:

KHAI THÁC THAN ĐÁ Ở QUẢNG NINH

- Quảng Ninh hiện có trữ lượng than đá khoảng hơn 3 tỷ tấn, hầu hết thuộc dòng an-tra-xít, tỷ lệ các-bon ổn định 80 - 90%; phần lớn tập trung tại 3 khu vực: Hạ Long, Cẩm Phả và Uông Bí , Đông Triều; mỗi năm cho phép khai thác khoảng 30 - 40 triệu tấn.

- Xác định được mục tiêu phát triển kinh tế bền vững, lâu dài, Quảng Ninh đã từng bước lập kế hoạch cùng với Tập đoàn TKT đưa ra lộ trình hợp lý để đóng cửa những mỏ than lộ thiên và chuyển hẳn sang khai thác hầm lò. Việc làm này không gây tác động nhiều đến phát triển kinh tế mà mở ra phương thức mới với phương châm chuyển dịch phát triển kinh tế từ “nâu” sang “xanh”, hướng tới phát triển những thành phố du lịch không còn khói, bụi.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**BÀI 5. THỰC HÀNH: PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM PHÂN BỐ**

**CÁC LOẠI KHOÁNG SẢN CHỦ YẾU**

Phần: Địa lí, Lớp: 8, Thời lượng: dạy 1 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: phân tích được đặc điểm phân bố các loại khoáng sản chủ yếu.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh chữ trong SGK tr113.

+ Sử dụng bản đồ khoáng sản VN hình 4.1 để xác định sự phân bố của các loại khoáng sản chủ yếu.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: xác định sự phân bố của các loại khoáng sản chủ yếu trên bản đồ và giải thích sự phân bố của các loại khoáng sản chủ yếu.

**3. Về phẩm chất:** ý thức học tập nghiêm túc, ý thức sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản tránh cạn kiệt.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

- KHBD, SGK, sách giáo viên (SGV), Atlat Địa lí Việt Nam (ĐLVN)

- Bản đồ khoáng sản VN (hình 4.1 SGK tr110)

- Phiếu học tập, bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

**2. Học sinh (HS):**SGK, vở ghi, Atlat ĐLVN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)**

***a. Mục tiêu:***  Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

***b.Nội dung:***GV tổ chức trò chơi “Xem hình đoán tên khoáng sản” cho HS.

***c. Sản phẩm*:** HS giải được trò chơi “Xem hình đoán tên khoáng sản” GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

\* GV treo bảng phụ trò chơi “Xem hình đoán tên khoáng sản” lên bảng:

****



** 1 2 3 4**

****

**5 6 7 8**

\* GV lần lượt cho HS quan sát các hình trên theo thứ tự từ 1 đến 8, yêu cầu HS cho biết tên khoáng sản tương ứng với mỗi hình trên. GV khen thưởng cho HS trả lời đúng.

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ**:

\* HS quan sát các hình và sự hiểu biết của bản thân, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận**:

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

**1. Than đá**

**2. Dầu mỏ**

**3. Khí tự nhiên**

**4. Bô-xit**

**5. Sắt**

**6. A-pa-tit**

**7. Đá vôi xi măng**

**8. Titan**

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **GV dẫn dắt vào nội dung bài mới**: Than đá, dầu mỏ, khí tự nhiên, bô-xit, sắt, a-pa-tit, đá vôi xi măng, titan là những khoáng sản chủ yếu của nước ta. Vậy các khoáng sản này phân bố ở đâu trên bản đồ VN và vì sao lại phân bố như vậy? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về Đọc bản đồ (25 phút)**

***a. Mục tiêu*:** HS đọc được bản đồ phân bố các loại khoáng sản chủ yếu.

***b. Nội dung*:** Quan sát bản đồ khoáng sản VN hình 4.1 kết hợp thác kênh chữ SGK tr127, suy nghĩ để trả lời câu hỏi của GV.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

- GV treo bản đồ khoáng sản VN lên bảng.

- GV yêu cầu HS đọc mục 1.

- GV chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS *Dựa vào hình 4.1 và kiến thức đã học, em hãy xác định sự phân bố của các loại khoáng sản chủ yếu trên bản đồ và hoàn thành bảng theo mẫu sau:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại**  **khoáng sản** | **Tên một số mỏ**  **khoáng sản chính** | **Nơi phân bố** |
| Than đá |  |  |
| Dầu mỏ |  |  |
| Khí tự nhiên |  |  |
| Bô-xit |  |  |
| Sắt |  |  |
| A-pa-tit |  |  |
| Đá vôi xi măng |  |  |
| Titan |  |  |

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc yêu cầu mục 1 bài thực hành.

- HS dựa vào bản đồ hình 4.1, Atlat ĐLVN và kênh chữ SGK tr113, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

- Sau khi HS có sản phẩm, GV cho HS trình bày sản phẩm của mình:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại**  **khoáng sản** | **Tên một số mỏ**  **khoáng sản chính** | **Nơi phân bố** |
| Than đá | - Cẩm Phả  - Quỳnh Nhai  - Nông Sơn | - Quảng Ninh  - Sơn La  - Quảng Nam |
| Dầu mỏ | Rồng; Bạch Hổ; Rạng Đông; Hồng Ngọc,… | Thềm lục địa phía Nam |
| Khí tự nhiên | Tiền Hải | Thái Bình |
| Bô-xit | Krông Búk, Đăk Nông, Di Linh | Tây Nguyên |
| Sắt | - Tùng Bá  - Trấn Yên  - Thạch Khê | - Hà Giang  - Yên Bái  - Hà Tĩnh |
| A-pa-tit | Cam Đường | Lào Cai |
| Đá vôi xi măng | Hà Giang, Lạng Sơn, Thanh Hoá | Hà Giang, Lạng Sơn, Thanh Hoá |
| Titan | - Kỳ Anh  - Phú Vang  - Hàm Tân | - Hà Tĩnh  - Thừa thiên - Huế  - Bình Thuận |

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của mình.

**Bước 4.** **Đánh giá:** GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và kiểm tra việc chuẩn bị tài liệu tham quan của các em.

**2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về nhận xét đặc điểm phân bố (15 phút)**

***a. Mục tiêu*:** HS giải thích được sự phân bố các loại khoáng sản chủ yếu.

***b. Nội dung*:** Dựa vào kết quả thảo luận ở mục 1 và kiến thức đã học, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:** GV đặt CH cho HS: Dựa vào kết quả của mục 1 và kiến thức đã học, em hãy giải thích sự phân bố của các loại khoáng sản trên.

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

- HS dựa vào kết quả thảo luận ở mục 1 và kiến thức đã học, suy nghĩ để trả lời.

- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

- Sau khi các nhóm có sản phẩm, GV lần lượt gọi đại diện mỗi nhóm lên trình bày sản phẩm của mình:

+ Sự phân bố khoáng sản ở nước ta có liên quan chặt chẽ với sự phân hoá phức tạp, đa dạng của các hoạt động địa chất nội sinh và ngoại sinh.

+ Các mỏ khoáng sản nội sinh thường tập trung tại các đứt gãy sâu với hoạt động uốn nếp và mac-ma diễn ra mạnh mẽ.

+ Các khoáng sản ngoại sinh thường tập trung ở vùng biển nông, thềm lục địa hoặc vùng trũng trong nội địa.- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm của bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của các em.

**CHƯƠNG 2. ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VÀ THỦY VĂN VIỆT NAM**

**BÀI 6. ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU**

Phần: Địa lí, Lớp: 8, Thời lượng: dạy 3 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

- Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của VN.

- Chứng minh được sự phân hóa đa dạng của khí hậu VN.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí:

+ Trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của VN.

+ Chứng minh được sự phân hóa đa dạng của khí hậu VN.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr114-117.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: sưu tầm những câu ca dao, tục ngữ, các bài thơ có nội dụng về khí hậu và các hiện tượng thời tiết ở nước ta.

**3. Về phẩm chất:** ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về khí hậu VN.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

- KHBD, SGK, sách giáo viên (SGV), Atlat Địa lí VN.

- Hình 6.1. Bản đồ khí hậu VN, hình 6.2. Băng tuyết ở đỉnh Phia Oắc và các hình ảnh liên quan.

- Phiếu học tập, bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

**2. Học sinh (HS):**SGK, vở ghi, Atlat Địa lí VN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)**

***a. Mục tiêu:***  Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

***b.Nội dung:***GV cho HS nghe lời bài hát “Sợi nhớ sọi thương” do nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu sáng tác.

***c. Sản phẩm*:** HS đoán được “Sợi nhớ sọi thương” GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

\* GV cho HS nghe lời bài hát “Sợi nhớ sọi thương” do nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu sáng tác.

“Trường Sơn Ðông Trường Sơn Tây

Bên nắng đốt bên mưa quây

Em dang tay em xoè tay

Chẳng thể nào mà xua tan mây

Mà chẳng thể nào mà che anh được

Chứ rút sợi thương ấy mấy chăng mái lợp

Rút sợi nhớ đan vòm xanh

Nghiêng sườn Đông mà che mưa anh

Nghiêng sườn Tây xoã bóng mát

Rợp trời thương ấy mấy màu xanh suốt

Mà em nghiêng hết ấy mấy về phương anh

Mà em nghiêng hết ấy mấy về phương anh”

\* Sau khi HS nghe bài hát, GV yêu cầu HS cho biết tên bài hát.

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ**:

\* HS nghe lời bài hát và sự hiểu biết của bản thân, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận**:

\* Sau khi HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: tên bài hát: “Sợi nhớ sợi thương”

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

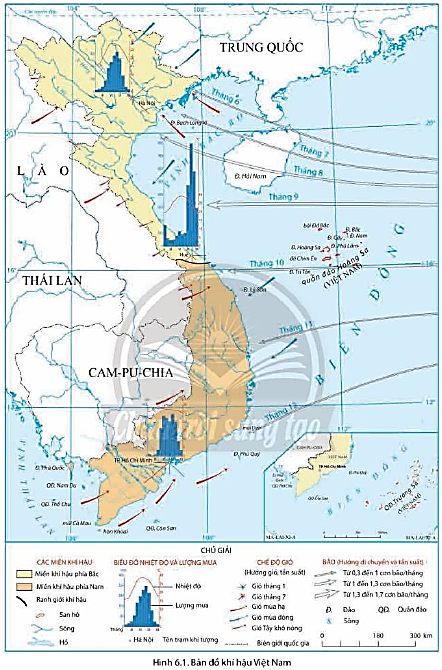
**Bước 4.** **GV dẫn dắt vào nội dung bài mới**: lời bài hát “Sợi nhớ sọi thương” của nhạc sĩ Phan Huỳnh Điểu phản ánh rất rõ nét một trong những đặc điểm nổi bật của khí hậu Việt Nam chịu sư tác động kết hợp giữ gió mùa và địa hình. Vậy tại sao “Trường Sơn Ðông Trường Sơn Tây, Bên nắng đốt bên mưa quây”? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (105 phút)**

***2.1. Tìm hiểu về khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa (60 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS trình bày được đặc điểm khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa của VN.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 6.1 SGK tr115 hoặc Atlat ĐLVN kết hợp kênh chữ SGK tr114-116, suy nghĩ cá nhân, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 1 SGK.  \* GV treo hình 6.1 lên bảng.  \* GV yêu cầu HS quan sát bản đồ hình 6.1 hoặc Atlat ĐLVN và thông tin trong bày, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:  *1. Nhận xét về lượng bức xạ và số giờ nắng ở nước ta.*  *2. Nhận xét về nhiệt độ trung bình năm ở nước ta. Giải thích vì sao nước ta có nhiệt độ cao?*  *3. Nhận xét lượng mưa trung bình năm ở nước ta.*  *4. Nhận xét độ ẩm không khí ở nước ta. Vì sao nước ta có lượng mưa lớn và độ ẩm cao?*  *5. Nước ta có mấy mùa gió chính? Vì sao nước ta lại có tính chất gió mùa?*  \* GV chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS thảo luận nhóm trong 10 phút để trả lời các câu hỏi sau:  1. Nhóm 1, 2, 3 và 4: *Quan sát hình 6.1, video clip và kênh chữ SGK, hãy:*  *- Cho biết thời gian hoạt động, nguồn gốc, hướng gió và đặc điểm của gió mùa mùa đông ở nước ta.*  *- Giải thích vì sao Ở miền Bắc: nửa đầu mùa đông thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn?*  2. Nhóm 5, 6, 7 và 8: *Quan sát hình 6.1, video clip và kênh chữ SGK, hãy:*  *- Cho biết thời gian hoạt động, nguồn gốc, hướng gió và đặc điểm của gió mùa mùa hạ ở nước ta.*  *- Giải thích vì sao loại gió này lại có hướng đông nam ở Bắc Bộ và gây khô nóng vào đầu mùa cho Trung Bộ và Tây Bắc?*  **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát bản đồ hình 2.2 hoặc Atlat ĐLVN và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:  1.  - Lượng bức xạ tổng cộng của nước ta lớn; cán cân bức xạ trên lãnh thổ luôn dương.  - Số giờ nắng nhiều, đạt từ 1400 - 3000 giờ/ năm (Hà Nội là 1585 giờ, Huế là 1970 giờ, TPHCM là 2489 giờ).  2.  - Nhiệt độ trung bình năm ở hầu hết mọi nơi trên cả nước đều trên 200C (trừ vùng núi cao) và tăng dần từ Bắc vào Nam.  - Nguyên nhân: do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nội chí tuyến.  3. Lượng mưa trung bình năm lớn: từ 1500 - 2000 mm/năm. Ở những khu vực đón gió biển hoặc vùng núi cao, lượng mưa trong năm thường nhiều hơn, khoảng 3000 - 4000 mm/ năm.  4.  - Độ ẩm không khí cao, trên 80%, cân bằng ẩm luôn dương.  - Nguyên nhân: do tác động của các khối khí di chuyển qua biển kết hợp với vai trò của Biển Đông.  5. Nước ta có 2 mùa gió chính là gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ. Do nước ta chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của các khối khí hoạt động theo mùa.  \* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi đại diện nhóm trình bày sản phẩm của mình, ví dụ: nhóm 1, và 5:  1. Nhóm 1: Gió mùa mùa đông:  - Thời gian: từ tháng 11 – 4 năm sau  - Nguồn gốc: áp cao Xi-bia.  - Hướng gió: ĐB  - Đặc điểm:  + Ở miền Bắc: nửa đầu mùa đông thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn.  + Ở miền Nam, Tín phong chiếm ưu thế đem đến mùa khô cho Nan Bộ và Tây Nguyên, gây mưa cho Duyên hải miền Trung.  - Nguyên nhân:  + Vào đầu mùa đông, gió mùa đông bắc di chuyển với quãng đường dài qua lục địa Trung Quốc nên lạnh và mất ẩm.+ Vào cuối mùa đông, khối không khí lạnh di chuyển qua vùng biển phía đông Nhật Bản và Trung Quốc nên được tăng cường ẩm.  2. Nhóm 5: Gió mùa mùa hạ:  - Thời gian: từ tháng 5 – 10  - Nguồn gốc: áp cao Bắc Ấn Độ Dương và áp cao cận chí tuyến Nam bán cầu.  - Hướng gió: TN, đối với miền Bắc là ĐN.  - Đặc điểm:  + Đầu mùa hạ: gây mưa cho Nam Bộ, Tây Nguyên nhưng gây khô nóng cho Trung Bộ, Tây Bắc.  + Giữa và cuối mùa hạ: gây mưa lớn và kéo dài trên phạm vi cả nước.  - Nguyên nhân:  + Ở miền Bắc, do ảnh hưởng của áp thấp Bắc Bộ nén gió thổi vào đất liền theo hướng đông nam.- Nửa đầu mùa hạ, gió mùa tây nam vượt dãy Trường Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao gây ra hiệu ứng phơn khô nóng cho Trung Bộ và Tây Bắc. Ở hai bên dãy Trường Sơn thì Trường Sơn Tây hay Tây Nguyên mưa quây, Trường Sơn Đông hay ven biển miền Trung thì nắng đốt.  \* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn, nhóm bạn và sản phẩm của cá nhân, nhóm mình.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.  **\* GV mở rộng:** Hiện tượng gió vượt đèo được gọi là Phơn (foehn). Từ bên kia sườn núi gió thổi lên, càng lên cao không khí càng bị bị lạnh dần đi rồi ngưng kết tạo thành mây cho mưa ở sườn đón gió, đồng thời thu thêm nhiệt do ngưng kết toả ra. Sau khi vượt qua đỉnh gió thổi xuống bên này núi, nhiệt độ của nó tăng dần lên do quá trình không khí bị nén đoạn nhiệt, vì vậy đến chân núi bên này không khí trở nên khô và nóng hơn. Hiện tượng này gọi là “Hiệu ứng phơn”. Đỉnh núi càng cao chênh lệch nhiệt độ càng lớn. | **1. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa**  ***a. Tính chất nhiệt đới ẩm***  - Tính chất nhiệt đới:  + Lượng bức xạ tổng cộng của nước ta lớn; cán cân bức xạ luôn dương.  + Nhiệt độ trung bình năm trên 200C (trừ vùng núi cao) và tăng dần từ Bắc vào Nam.  + Số giờ nắng nhiều, đạt từ 1400 - 3000 giờ/năm.  - Tính chất ẩm:  + Lượng mưa trung bình năm lớn: từ 1500 - 2000 mm/năm.  + Cân bằng ẩm luôn dương, độ ẩm không khí cao, trên 80%.  ***b. Tính chất gió mùa***  \* Gió mùa mùa đông:  - Thời gian: từ tháng 11 – 4 năm sau  - Nguồn gốc: áp cao Xi-bia.  - Hướng gió: ĐB  - Đặc điểm:  + Ở miền Bắc: nửa đầu mùa đông thời tiết lạnh khô, nửa sau mùa đông thời tiết lạnh ẩm, có mưa phùn.  + Ở miền Nam, Tín phong chiếm ưu thế đem đến mùa khô cho Nan Bộ và Tây Nguyên, gây mưa cho Duyên hải miền Trung.  \* Gió mùa mùa hạ:  - Thời gian: từ tháng 5 – 10  - Nguồn gốc: áp cao Bắc Ấn Độ Dương và áp cao cận chí tuyến Nam bán cầu.  - Hướng gió: TN, đối với miền Bắc là ĐN.  - Đặc điểm:  + Đầu mùa hạ: gây mưa cho Nam Bộ, Tây Nguyên nhưng gây khô nóng cho Trung Bộ, Tây Bắc.  + Giữa và cuối mùa hạ: gây mưa lớn và kéo dài trên phạm vi cả nước. |

**2.2. *Tìm hiểu về khí hậu phân hóa đa dạng (45 phút)***

***a. Mục tiêu*:** HS chứng minh được sự phân hóa đa dạng của khí hậu VN.

***b. Nội dung*:** Quan sát hình 6.1 SGK tr115, hình 6.2 tr117 hoặc Atlat ĐLVN và các hình ảnh liên quan kết hợp kênh chữ SGK tr116-117, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.

***c. Sản phẩm:***trả lời được các câu hỏi của GV.

******

***d. Tổ chức thực hiện:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**  \* GV gọi HS đọc nội dung mục 2 SGK.  \* GV chia lớp làm 6 nhóm, mỗi nhóm từ 6 đến 8 em, yêu cầu HS, yêu cầu HS quan sát hình 6.1, 6.2 và thông tin trong bày, thảo luận nhóm trong 10 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:  1. Nhóm 1, 2 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nguyên nhân nào tạo nên sự phân hóa bắc – nam của khí hậu nước ta?* |  | | *Nêu biểu hiện của sự sự phân hóa bắc – nam của khí hậu nước ta.* |  |   2. Nhóm 3, 4 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nguyên nhân nào tạo nên sự phân hóa đông - tây của khí hậu nước ta?* |  | | *Nêu biểu hiện của sự sự phân hóa đông - tây của khí hậu nước ta.* |  |   3. Nhóm 5, 6 – phiếu học tập số 3   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nguyên nhân nào tạo nên sự phân hóa theo độ cao của khí hậu nước ta?* |  | | *Nêu biểu hiện của sự sự phân hóa theo độ cao của khí hậu nước ta.* |  |   **Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**  \* HS quan sát quan sát hình 6.1, 6.2 và thông tin trong bày, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.  \* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.  **Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**  \* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện nhóm 2, 4 và 6 lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:  1. Nhóm 2 – phiếu học tập số 1   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nguyên nhân nào tạo nên sự phân hóa bắc – nam của khí hậu nước ta?* | Lãnh thổ Việt Nam trải dài trên 15 vĩ độ, nên từ Bắc vào Nam các yếu tố khí hậu sẽ có sự thay đổi. | | *Nêu biểu hiện của sự sự phân hóa bắc – nam của khí hậu nước ta.* | - Miền khí hậu phía Bắc: khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh, ít mưa; mùa hạ nóng, ẩm và mưa nhiều.  - Miền khí hậu phía Nam: khí hậu cận xích đạo gió mùa, nhiệt độ quanh năm cao và hầu như không thay đổi trong năm, có 2 mùa mưa, khô phân hóa rõ rệt. |   2. Nhóm 4 – phiếu học tập số 2   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nguyên nhân nào tạo nên sự phân hóa đông - tây của khí hậu nước ta?* | Địa hình kết hợp với hướng gió làm cho khí hậu nước ta phân hóa Đông – Tây. | | *Nêu biểu hiện của sự sự phân hóa đông - tây của khí hậu nước ta.* | - Khí hậu có sự phân hóa giữa hai sườn của dãy Hoàng Liên Sơn; Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam, tạo nên sự khác biệt về chế độ nhiệt và ẩm giữa hai sườn.  - Vùng Biển Đông, khí hậu có tính chất gió mùa nhiệt đới hải dương. |   3. Nhóm 6 – phiếu học tập số 3   |  |  | | --- | --- | | **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** | | *Nguyên nhân nào tạo nên sự phân hóa theo độ cao của khí hậu nước ta?* | - Càng lên cao nhiệt độ càng giảm (cứ lên cao 100m nhiệt độ giảm 0,60C).  - Càng lên cao độ ẩm và lượng mưa càng tăng. | | *Nêu biểu hiện của sự sự phân hóa theo độ cao của khí hậu nước ta.* | Khí hậu VN phân hóa thảnh 3 đai cao:  - Đai nhiệt đới gió mùa trên núi: (miền Bắc đến độ cao 600 - 700 m, miền Nam đến độ cao 900 - 1000 m); Mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình các tháng mùa hạ đều trên 25°C. Độ ẩm và lượng mưa thay đổi tuỳ nơi: từ khô đến ẩm ướt.  - Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi: (từ độ cao 600 - 700m, hoặc 900 - 1000 m đến dưới 2 600 m); Khí hậu mát mẻ, nhiệt độ trung bình các tháng đều dưới 25°C, lượng mưa và độ ẩm tăng lên.  - Đai ôn đới gió mùa trên núi: (từ độ cao 2600 m) quanh năm nhiệt độ dưới 15°C, mùa đông nhiệt độ dưới 5°C. |   \* HS các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.  **Bước 4.** **Đánh giá:**  GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. | **2. Khí hậu phân hóa đa dạng**  - Phân hoá bắc – nam:  + Miền khí hậu phía Bắc: khí hậu nhiệt đới gió mùa, có mùa đông lạnh, ít mưa; mùa hạ nóng, ẩm và mưa nhiều.  + Miền khí hậu phía Nam: khí hậu cận xích đạo gió mùa, nhiệt độ quanh năm cao và hầu như không thay đổi trong năm, có 2 mùa mưa, khô phân hóa rõ rệt.  - Phân hóa đông tây:  + Khí hậu có sự phân hóa giữa hai sườn của dãy Hoàng Liên Sơn; Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam, tạo nên sự khác biệt về chế độ nhiệt và ẩm giữa hai sườn.  + Vùng Biển Đông, khí hậu có tính chất gió mùa nhiệt đới hải dương.  - Phân hóa theo độ cao: khí hậu VN phân hóa thảnh 3 đai cao gồm: nhiệt đới gió mùa; cận nhiệt đới gió mùa trên núi và ôn đới gió mùa trên núi. |

**3. Hoạt động luyện tập (15 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

***b. Nội dung*:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

GV yêu cầu HS dựa vào kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:

***1.*** *Lập sơ đồ thể hiện tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa của khí hậu nước ta.*

***2.*** *Giải thích vì sao khí hậu nước ta có sự phân hoá đa dạng?*

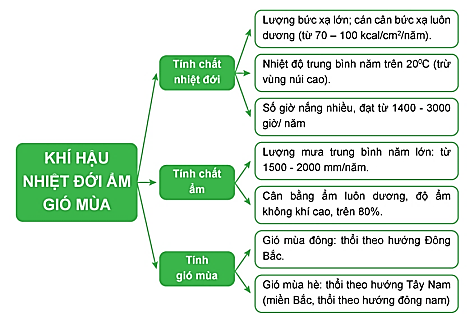
**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

1.

2.

- Ảnh hưởng của vị trí địa lí và lãnh thổ: làm cho khí hậu nước ta phân hóa theo chiều Bắc - Nam rõ rệt, khí hậu thất thường.

- Địa hình tạo nên sự phân hóa khí hậu theo độ cao.

- Địa hình kết hợp với hướng gió làm cho khí hậu nước ta phân hóa Đông - Tây (Đông Bắc và Tây Bắc ranh giới là dãy Hoàng Liên Sơn; phân hóa giữa sườn Đông và sườn Tây Trường Sơn).

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**4. Hoạt động vận dụng (5 phút)**

***a. Mục tiêu:*** Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

***b. Nội dung*:** GV hướng dẫn HS hoàn thành bài tập ở nhà.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi mà GV giao.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi cho HS: *Hãy thực hiện một trong hai nhiệm vụ sau:*

*- Nhiệm vụ 1. Hãy sưu tầm và viết báo cáo về đặc điểm khí hậu ở địa phương em (nhiệt độ, số giờ năng, lượng mưa, mùa mưa, mùa khô, độ âm không khí, biên độ nhiệt năm, các hiện tượng thời tiết đặc biệt).*

*- Nhiệm vụ 2. Hãy sưu tầm những câu ca dao, tục ngữ, các bài thơ có nội dụng về khí hậu và các hiện tượng thời tiết ở nước ta.*

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:** HS tìm kiếm thông tin trên Internet và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3.** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình vào tiết học sau: (chọn nhiệm vụ 2)

1. Cơn đằng Đông vừa trông vừa chạy

Cơn đằng Nam vừa làm vừa chơi.

2. Chuồn chuồn bay thấp thì mưa, bay cao thì nắng, bay vừa thì râm.

3. Chớp Đông nhay nháy, gà gáy thì mưa.

4. Sao dày thì mưa, sao thưa thì nắng

5. Bao giờ Hòn Đỏ mang tơi

Hòn Hèo đội mũ thì trời sắp mưa.

6. Cò bay ngược, nước vô nhà

Cò bay xuôi nước lui ra biển.

7. Mưa tháng Bảy gãy cành trám

Nắng tháng Tám, rám trái bưởi

8. Ráng vàng thì nắng, ráng trắng thì mưa.

\* HS còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **Đánh giá:**

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

**BÀI 7. THỰC HÀNH: VẼ VÀ PHÂN TÍCH BIỂU ĐỒ KHÍ HẬU**

Phần: Địa lí, Lớp: 8, Thời lượng: dạy 2 tiết

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung:***

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

***b. Năng lực đặc thù:***

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: vẽ và phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh chữ trong SGK tr118.

+ Sử dụng bản đồ khí hậu VN hình 6.1 để xác định vị trí của trạm khí tượng trên bản đồ.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: xác định vị trí của trạm khí tượng trên bản đồ và phân tích biểu đồ khí hậu của trạm khí tượng.

**3. Về phẩm chất:** ý thức học tập nghiêm túc, ý thức say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về vẽ và phân tích biểu đồ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên (GV)**

- KHBD, SGK, sách giáo viên (SGV), Atlat Địa lí Việt Nam (ĐLVN)

- Bản đồ khí hậu VN (hình 6.1 SGK tr115)

- Phiếu học tập, bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

**2. Học sinh (HS):**SGK, vở ghi, Atlat ĐLVN.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)**

***a. Mục tiêu:***  Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

***b.Nội dung:***GV tổ chức trò chơi ô chữ cho HS.

***c. Sản phẩm*:** HS giải mã được ô chữ GV đặt ra.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

\* GV treo bảng phụ trò chơi ô chữ lên bảng:

**3**

**1**

**2**

**4**

**6**

**5**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |

\* GV phổ biến luật chơi:

- Trò chơi ô chữ gồm 6 chữ cái được đánh số từ 1 đến 6 sẽ tương ứng với 6 câu hỏi.

- Các em dựa vào Atlat ĐLVN và kiến thức đã học để trả lời, các em có quyền lựa chọn thứ tự câu hỏi để trả lời, mỗi câu hỏi có 2 lượt trả lời.

- Em nào trả lời đúng sẽ nhận được 1 phần quà nhỏ (ví dụ 1 cây bút) và ô chữ sẽ hiện ra chữ cái tương ứng, trả lời sai ô chữ sẽ bị khóa lại, trong quá trình trả lời, em nào trả lời đúng tên ô chữ thì sẽ nhận được phần quà lớn hơn (ví dụ 3 cây bút).

\* Hệ thống câu hỏi:

**Câu 1.** *Nhiệt độ trung bình năm ở hầu hết mọi nơi trên cả nước đều trên bao nhiêu 0C?*

A. 200C B. 300C C. 400C D. 500C

**Câu 2.** *Nước ta có lượng mưa trung bình năm là bao nhiêu mm/năm?*

A. 1000-2000mm B. 1500-2000mm C. 2000-2500mm D. 2500-3000mm

**Câu 3.** *Độ ẩm không khí của nước ta là trên bao nhiêu %?*

A. 60% B. 70% C. 80% D. 90%

**Câu 4.** *Gió mùa mùa đông của nước ta thổi theo hướng nào?*

A. tây nam B. tây bắc C. đông nam D. đông bắc

**Câu 5.** *Gió mùa mùa hạ ở nước ta hoạt động từ tháng mấy đến tháng mấy?*

A. tháng 5 – 10 B. tháng 6 – 10 C. tháng 7 – 10 D. tháng 8 – 10

**Câu 6.** *Khí hậu nước ta phân hóa đa dạng là do sự ảnh hưởng của?*

A. vị trí địa lí B. hình dạng lãnh thổ C. địa hình D. Cả A, B, C

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

\* HS dựa vào Atlat ĐLVN và kiến thức đã học, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

\* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

\* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

**Câu 1**: A

**Câu 2**: B

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **B** | **I** | **Ể** | **U** | **Đ** | **Ồ** |

**Câu 3**: C

**Câu 4**: D

**Câu 5:** A

**Câu 6:** D

\* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** **GV dẫn dắt vào nội dung bài mới**: Biểu đồ là hình vẽ dùng để thể hiện một cách trực quan số liệu thống kê về quá trình phát triển của đối tượng, cấu trúc của đối tượng, mối quan hệ giữa thời gian và không gian của các đối tượng. Trong thời đại giáo dục ngày nay, biểu đồ được sử dụng rộng rãi trong các môn học với nhiều dạng khác nhau theo yêu cầu thể hiện. Vậy để biểu đồ khí hậu được vẽ như thế nào? Để biết được những điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

**2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về vẽ biểu đồ khí hậu (50 phút)**

***a. Mục tiêu*:** HS vẽ được một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau.

***b. Nội dung*:** Dựa vào bảng số liệu SGK trang 118, hướng dẫn của GV và kiến thức đã học để vẽ biểu đồ khí hậu.

***c. Sản phẩm:***vẽ được biểu đồ khí hậu.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

- GV yêu cầu HS đọc mục 1.

- GV đặt CH cho HS: Hãy lựa chọn và vẽ biểu đồ khí hậu thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của một trạm khí tượng.

- GV hướng dẫn HS các bước vẽ biểu đồ khí hậu:

Bước 1: Xác định các giá trị cao nhất trong bảng số liệu để tiến hành xây dựng hệ trục tọa độ.

Ví dụ: Trạm Tân Sơn Nhất (TPHCM) có nhiệt độ tháng cao nhất là 28,9°C, lượng mưa tháng cao nhất là 327,0mm.

Bước 2: xây dựng hệ trục tọa độ, bao gồm 1 trục hoành và 2 trục tung

- Trục hoành thể hiện các tháng trong năm (12 tháng)

- Trục tung: (2 trục)

+ Một trục nhiệt độ: Ta sẽ lấy giá trị cao nhất trên trục thể hiện nhiệt độ là khoảng 35°C để cân xứng với trục lượng mưa.

+ Một trục lượng mưa: Ta sẽ lấy giá trị cao nhất trên trục thể hiện lượng mưa là khoảng 350mm.

Bước 3: Vẽ biểu đồ lượng mưa

- Vẽ lần lượt tuần tự các cột lượng mưa từ tháng 1 cho đến tháng 12.

- Tháng 1 và tháng 12 sẽ vẽ liền với trục

- Ví dụ: Tháng 1 lượng mưa là 13,8mm, tháng 2 là 4,1mm.

Bước 4: Vẽ đường biểu diễn nhiệt độ

- Xác định các điểm nhiệt độ giữa các tháng.

- Nối các điểm lại thành một đường liên tục.

Bước 5: Hoàn thiện biểu đồ

Bổ sung bảng chú giải, tên biểu đồ

- GV yêu cầu HS vẽ biểu đồ khí hậu thể hiện nhiệt độ và lượng mưa vào tập học theo hướng dẫn đã nêu.

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc yêu cầu mục 2 bài thực hành.

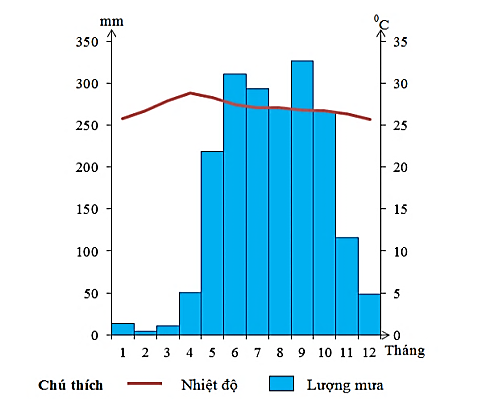
- HS lựa chọn trạm khí tượng để vẽ biểu đồ: ví dụ trạm Tân Sơn Nhất (TPHCM).

- HS chú ý theo dõi, lắng nghe và quan sát các bước vẽ của GV thực hiện trên bảng sau đó tiến hành vẽ vào tập học.

- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

- Sau khi HS có sản phẩm, GV gọi HS trình bày sản phẩm của mình trên bảng:



**Biểu đồ thể hiện nhiệt độ và lượng mưa ở trạm Tân Sơn Nhất (TPHCM)**

- HS còn lại quan sát, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm của bạn và sản phẩm của cá nhân.

**Bước 4.** GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của các em.

**2. Hoạt động 2: Tìm hiểu về Phân tích biểu đồ khí hậu (30 phút)**

***a. Mục tiêu*:** HS phân tích được biểu đồ khí hậu của một số trạm thuộc các vùng khí hậu khác nhau.

***b. Nội dung*:** Quan sát bản đồ khí hậu VN hình 6.1 kết hợp thác kênh chữ SGK tr118, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi của GV.

***c. Sản phẩm:***trả lời được câu hỏi của GV.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**Bước 1.** **Giao nhiệm vụ:**

- GV treo bản đồ khí hậu VN lên bảng.

- GV yêu cầu HS đọc mục 2.

- GV chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS, yêu cầu HS quan sát bản đồ hình 6.1 và thông tin trong bày, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi theo phiếu học tập sau:

1. Nhóm 1, 2, 3 và 4 – phiếu học tập số 1

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** |
| Xác định vị trí của trạm Tân Sơn Nhất (TPHCM) trên hình 6.1 |  |
| Cho biết nhiệt độ tháng cao nhất và nhiệt độ tháng thấp nhất của Tân Sơn Nhất (TPHCM) là bao nhiêu? |  |
| Cho biết biên độ nhiệt năm của Tân Sơn Nhất (TPHCM) là bao nhiêu? |  |
| Cho biết nhiệt độ trung bình năm của Tân Sơn Nhất (TPHCM) là bao nhiêu? |  |

2. Nhóm 5, 6, 7 và 8 – phiếu học tập số 2

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** |
| Cho biết lượng mưa tháng cao nhất và lượng mưa tháng thấp nhất của Tân Sơn Nhất (TPHCM) là bao nhiêu? |  |
| Cho biết những tháng có lượng mưa trên 100mm và những tháng có lượng mưa dưới 100mm của Tân Sơn Nhất (TPHCM). |  |
| Cho biết tổng lượng mưa trung bình năm của Tân Sơn Nhất (TPHCM) là bao nhiêu? |  |

- GV nhắc lại cho HS một số công thức tính trước khi hoạt động nhóm:

+ Biên độ nhiệt năm = nhiệt độ tháng cao nhất – nhiệt độ tháng thấp nhất

+ Nhiệt độ trung bình năm = tổng nhiệt độ 12 tháng / 12

+ Tổng lượng mưa trung bình năm = tổng lượng mưa 12 tháng

**Bước 2.** **HS thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc yêu cầu mục 2 bài thực hành.

- HS dựa vào bản đồ hình 6.1 và kênh chữ SGK tr118, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

**Bước 3:** **Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

- Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện nhóm 1 và 5 lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:

1. Nhóm 1 – phiếu học tập số 1

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** |
| Xác định vị trí của trạm Tân Sơn Nhất (TPHCM) trên hình 6.1 | HS xác định trên bản đồ. |
| Cho biết nhiệt độ tháng cao nhất và nhiệt độ tháng thấp nhất của Tân Sơn Nhất (TPHCM) là bao nhiêu? | - Nhiệt độ cao nhất là 28,90C (tháng 4).  - Nhiệt độ thấp nhất là 25,70C (tháng 12). |
| Cho biết biên độ nhiệt năm của Tân Sơn Nhất (TPHCM) là bao nhiêu? | Biên độ nhiệt năm là 3,20C. |
| Cho biết nhiệt độ trung bình năm của Tân Sơn Nhất (TPHCM) là bao nhiêu? | Nhiệt độ trung bình năm là 27,10C. |

2. Nhóm 5 – phiếu học tập số 2

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần câu hỏi** | **Phần trả lời** |
| Cho biết lượng mưa tháng cao nhất và lượng mưa tháng thấp nhất của Tân Sơn Nhất (TPHCM) là bao nhiêu? | - Lượng mưa cao nhất là 327mm (tháng 9).  - Lượng mưa thấp nhất là 4,1mm (tháng 2). |
| Cho biết những tháng có lượng mưa trên 100mm và những tháng có lượng mưa dưới 100mm của Tân Sơn Nhất (TPHCM). | - Các tháng có lượng mưa trên 100mm: 5 ,6 ,7, 8, 9, 10, 11.  - Các tháng có lượng mưa dưới 100mm: 12, 1, 2, 3, 4. |
| Cho biết tổng lượng mưa trung bình năm của Tân Sơn Nhất (TPHCM) là bao nhiêu? | Lượng mưa trung bình năm là 1930,9mm |

- HS các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.

**Bước 4.** **Đánh giá:** GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và kiểm tra việc chuẩn bị tài liệu tham quan của các em.